

Ngày 30/09/2025	330,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.5%	9.8%	1.0%

Q3/25	#VALUE!	
ROE	#VALUE!	

Q3/25		
DT thuần	1,055	
	tỷ VNĐ	
	QoQ	YoY
	▲ 80.0	▲ 64.0
	▲ 8.2%	▲ 6.5%

9T 2025		
DT thuần	2,918	
	tỷ VNĐ	
	YoY	
	▲ 268	
	▲ 10.1%	

Q3/25		
LN gộp	305	
	tỷ VNĐ	
	QoQ	YoY
	▲ 24.0	▲ 21.0
	▲ 8.5%	▲ 7.4%

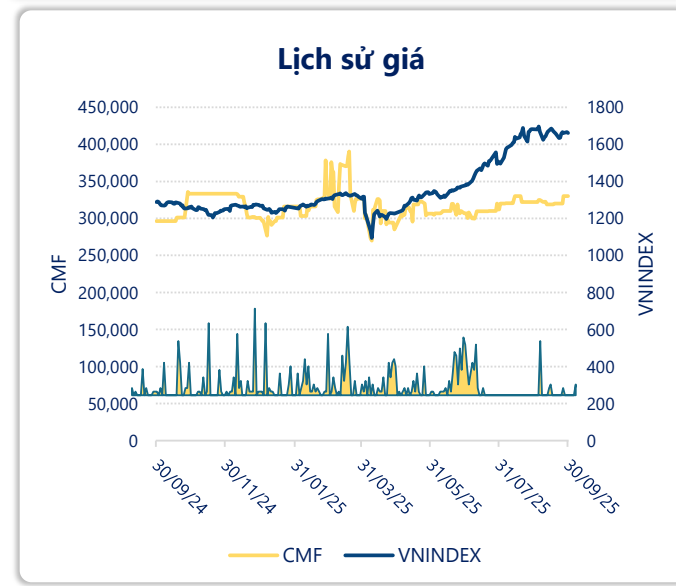
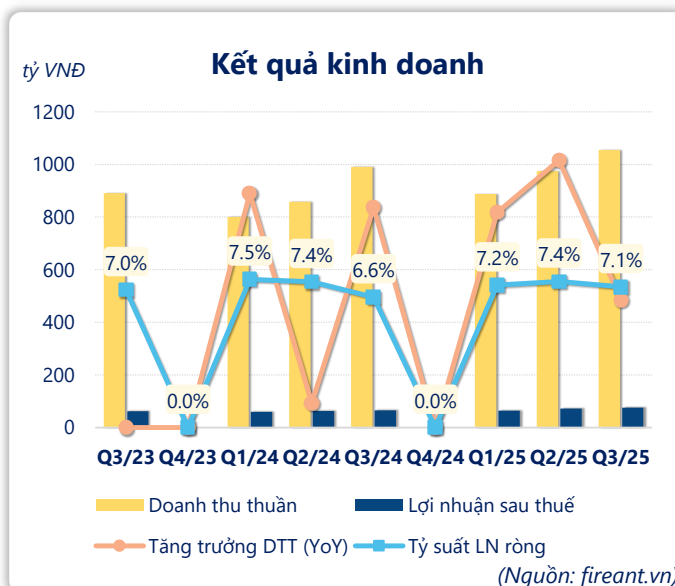
9T 2025		
LN gộp	818	
	tỷ VNĐ	
	YoY	
	▲ 73.0	
	▲ 9.7%	

Q3/25		
LN thuần	92.4	
	tỷ VNĐ	
	QoQ	YoY
	▲ 5.50	▲ 11.3
	▲ 6.3%	▲ 13.9%

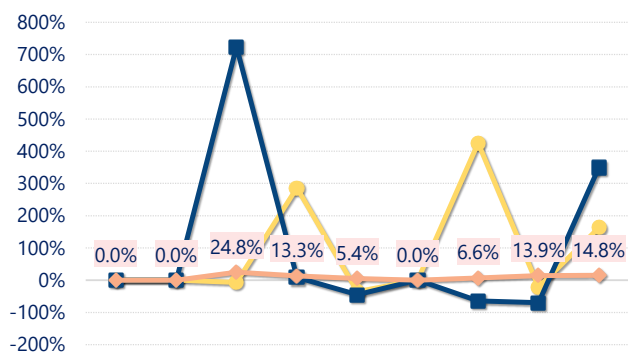
9T 2025		
LN thuần	254	
	tỷ VNĐ	
	YoY	
	▲ 23.0	
	▲ 10.2%	

Q3/25		
LN sau thuế	75.2	
	tỷ VNĐ	
	QoQ	YoY
	▲ 3.00	▲ 9.70
	▲ 4.1%	▲ 14.8%

9T 2025		
LN sau thuế	211	
	tỷ VNĐ	
	YoY	
	▲ 22.0	
	▲ 11.9%	



Tăng trưởng lợi nhuận

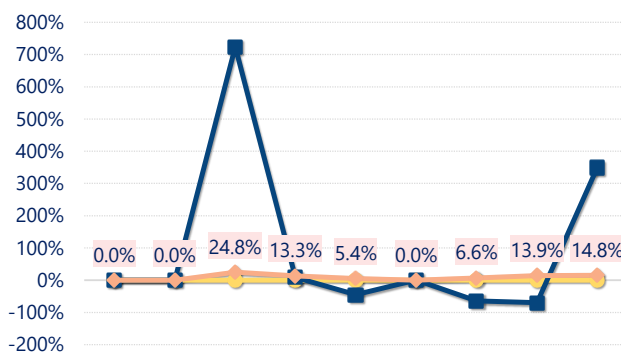


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

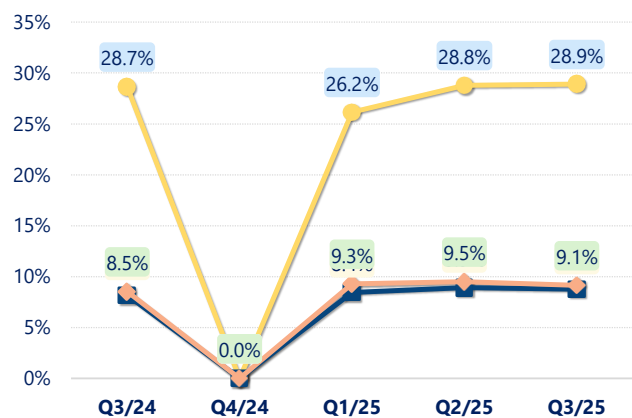


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

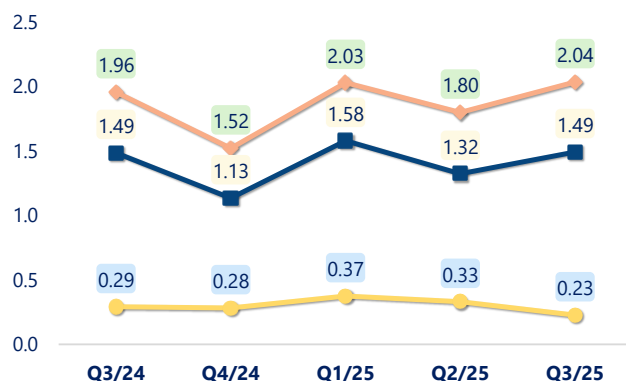
Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

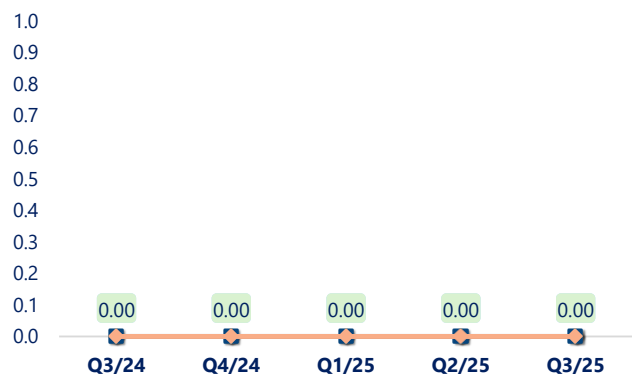
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

0 0 0 0 0 0 0 0 0

Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,055	991	6.5%	2,918	2,650	10.1%
Giá vốn hàng bán	750	707	6.1%	2,100	1,904	10.3%
Lợi nhuận gộp	305	284	7.4%	818	745	9.7%
Doanh thu HĐTC	5.17	1.16	346%	14.4	17.6	-18.4%
Chi phí TC	2.91	5.10	-42.9%	10.1	8.00	26.7%
Chi phí lãi vay	2.40	2.71	-11.6%	7.06	5.01	40.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	157	160	-1.8%	423	407	3.9%
Chi phí QLDN	57.7	38.8	48.8%	145	117	23.7%
LN thuần từ HĐKD	92.4	81.1	13.9%	254	231	10.2%
Lợi nhuận khác	1.61	0.72	124%	10.1	5.46	84.3%
LN trước thuế	94.0	81.9	14.8%	264	236	11.9%
Lợi nhuận sau thuế	75.2	65.5	14.8%	211	189	11.9%
LNST của CĐ cty mẹ	75.2	65.5	14.8%	211	189	11.9%

(Nguồn: fireant.vn)

